

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ H  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2022/DS-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v Tranh chấp về thực hiện nghĩa  
vụ trả tiền

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Võ Phương Quang.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Phan Á.

- Bà Trần Thị Thu Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc Qu, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Th, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Đỗ Cao Tr, sinh năm 1972, bà Lê Thị G, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Người làm chứng:

+ Ông Hồ Tuấn T, sinh năm 1978 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Thạnh X, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

+ Bà Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1981 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Ph, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, lời trình bày nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Qu, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Khoảng tháng 7/2019 vợ chồng bà G, ông Tr thỏa thuận bán nhà cho bà với giá 1.550.000.000 đồng; sau khi thỏa thuận giá cả bà đã giao cho vợ chồng bà G tiền cọc lần đầu 200.000.000 đồng; lần 2 số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi giao tiền thì bà G nói sỗ đo, ghe máy đã thế chấp Ngân hàng ở Quảng

Ngãi để vay số tiền gần 3.000.000.000 đồng nên đề nghị bà đưa thêm tiền cho bà G trả nợ cho Ngân hàng thì bà G mới lấy sổ đỏ về làm thủ tục chuyển nhượng nên bà có đưa thêm cho vợ chồng bà G 2.800.000.000 đồng để vợ chồng bà G, ông Tr đi trả nợ cho ngân hàng. Sau khi bà đưa cho vợ chồng bà G, ông Tr tổng số tiền 3.300.00.000 đồng, hai bên cùng nhau ra Ngân hàng ở Quảng Ngãi để trả nợ, tuy nhiên do không xin được tiền lãi nên không trả nợ được cho Ngân hàng. Do đó, ngày 15/7/2020, vợ chồng ông Đỗ Cao Tr, bà Lê Thị G cùng với bà đến Văn phòng công chứng Hoài Nhơn lập hợp đồng nhận nợ với nội dung vợ chồng ông Tr, bà G có nợ của bà số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ là 10 ngày kể từ ngày hợp đồng được chứng nhận. Hợp đồng nhận nợ đã được Văn phòng công chứng Hoài Nhơn công chứng ngày 15/7/2020. Tuy nhiên sau khi hết thời hạn thỏa thuận nhiều lần đòi nợ nhưng ông Tr, bà G chưa trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu ông Tr, bà G trả cho bà số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

- Theo bản tự khai ngày 14/6/2022, biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà G trình bày: Trong năm 2019, vợ chồng bà có thỏa thuận bán nhà, đất cho ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) ở Hoài Hương chứ không phải bán cho bà Qu, ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) có giao cho bà nhiều lần tổng cộng 370.000.000 đồng ( lần đầu giao tiền có bà Thúy chứng kiến, lần thứ hai bà Thúy trực tiếp giao tiền cho bà). Tuy nhiên, do lúc đó sổ đỏ của bà thế chấp để vay Ngân hàng ở Quảng Ngãi nên muốn bán nhà thì phải trả hết nợ ở Ngân hàng mới lấy được sổ đỏ. Sau đó ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) cùng vợ chồng bà thỏa thuận ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) sẽ trả nợ cho Ngân hàng để lấy và giữ của vợ chồng bà 01 sổ đỏ, 01 sổ nhà đất, 01 giấy tờ tàu cá. Hàng năm vợ chồng bà sẽ trả dần 4 chuyển tiền dầu và hàng tháng vợ chồng bà trả lãi như lãi Ngân hàng cho ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú). Hai bên thống nhất nên ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú), bà Qu cùng vợ chồng bà đến Phòng công chứng ký hợp đồng nhận nợ, với nội dung vợ chồng bà có nợ của bà Qu 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng). Sau khi ký hợp đồng, vợ chồng bà cùng ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú), bà Qu ra Ngân hàng để trả nợ, lúc này Ngân hàng thông báo số tiền lãi nhiều, ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) xin không trả phần lãi phạt thì Ngân hàng không chịu nên ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) không trả tiền nợ cho Ngân hàng, sau đó các bên có ra Ngân hàng thỏa thuận trả nợ một lần nữa nhưng không được, bà có yêu cầu ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) giao lại hợp đồng nhận nợ nhưng ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) không đưa. Bà xác định có nợ của ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) 370.000.000 đồng chứ bà không nợ của bà Qu. Bà đồng ý trả cho ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) số tiền 370.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Qu.

- Tại bản tự khai ngày 14/6/2022 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Tr trình bày: Vào ngày 15/7/2020, vợ chồng ông và bà Huỳnh Thị Ngọc Qu đến Văn phòng công chứng Hoài Nhơn lập hợp đồng nhận nợ với nội

dung vợ chồng ông có nợ của bà Qu 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng). Hợp đồng nhận nợ đã được Văn phòng công chứng Hoài Nhơn công chứng ngày 15/7/2020. Tuy nhiên vợ chồng ông không nợ bà Qu số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) mà chỉ nợ 370.000.000 đồng. Nguyên nhân vợ chồng ông ký hợp đồng nhận nợ là vì bà Qu hứa trả nợ ngân hàng cho vợ chồng ông, bà nhưng sau đó bà Qu không trả cho Ngân hàng. Nay bà Qu kiện yêu cầu vợ chồng ông trả 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) ông không đồng ý mà chỉ đồng ý trả 370.000.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2022, người làm chứng ông Hồ Tuấn Tú (ông Chì) trình bày: Năm 2019 ông không thỏa thuận mua bán nhà với vợ chồng ông Tr, bà G, thời điểm đó ông có biết bà Huỳnh Thị Ngọc Qu có thỏa thuận mua bán nhà với vợ chồng ông Tr, bà G. Trong năm 2019 ông không có giao tiền gì cho bà G, theo ông được biết thời điểm đó bà Qu và vợ chồng bà G, ông Tr có thỏa thuận mua bán nhà của vợ chồng bà G nên bà Qu có giao tiền cho bà G, ông có chứng kiến một vài lần chứ ông không trực tiếp mua và giao tiền cho bà G, ông Tr.

Lúc bà Qu và vợ chồng bà G, ông Tr ký hợp đồng nhận nợ tại phòng Công chứng Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là có ông chứng kiến, ông được biết số tiền bà G, ông Tr nhận nợ 3.300.000.000 đồng là trước đó bà G, ông Tr có nhận tiền của bà Qu để ra trả cho Ngân hàng ở Quảng Ngãi nhưng sau đó các bên không thỏa thuận được việc mua bán nhà nên vợ chồng ông Tr, bà G đồng ý ký hợp đồng nhận nợ. Việc bà G khai ông thỏa thuận trả tiền cho Ngân hàng ở Quảng Ngãi để giữ 01 sổ đỏ, 01 sổ nhà đất, 01 giấy tờ tàu cá là không có, ông không có thỏa thuận gì với bà G, ông Tr. Ông cũng không giao tiền mua nhà cho vợ chồng ông Tr, bà G số tiền 370.000.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2022, người làm chứng bà Lê Thị Hồng Thúy trình bày: Việc mua bán nhà, đất của vợ chồng bà Lê Thị G và ông Tú như thế nào là bà không biết, bà không chứng kiến việc các bên thỏa thuận mua bán nhà – đất. Bà không giao tiền gì cho bà G, việc bà G trình bày bà có giao cho bà G 50.000.000 đồng và sau 02 ngày bà có giao tiếp cho bà 50.000.000 đồng tiền đặt cọc mua nhà là không có.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Tr, bà G trả cho bà Qu, số tiền 3.300.000.000 đồng. Vợ chồng ông Tr, bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng, thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Qu có đơn

yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đỗ Cao Tr, bà Lê Thị G thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đây là tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền và bị đơn ông Tr, bà G hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã H, tỉnh Bình Định. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết là đúng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Người làm chứng ông Hồ Tuấn Tú và bà Lê Thị Hồng Thúy có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

[3] Về nội dung:

[3.1] Bà Huỳnh Thị Ngọc Qu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Tr, bà G trả số tiền 3.300.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông Tr, bà G không đồng ý vì ông, bà không nhận tiền của bà Qu mà chỉ nhận tiền của ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) số tiền 370.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Tr, bà G xác định trong năm 2019, vợ chồng ông, bà có thỏa thuận bán nhà, đất cho ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) ở Hoài Hương chứ không phải bán cho bà Qu. Ông Chì (ông Hồ Tuấn Tú) có giao tiền cho ông, bà nhiều lần tổng cộng 370.000.000 đồng, lần đầu giao tiền có bà Thúy chứng kiến, lần thứ hai bà Thúy trực tiếp giao tiền cho bà G. Tuy nhiên, ông Tr, bà G không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông Hồ Tuấn Tú (ông Chì) không thừa nhận vấn đề này mà xác định việc thỏa thuận mua bán nhà là của vợ chồng ông Tr, bà G với bà Qu, ông chỉ chở bà Qu đi và chứng kiến việc bà Qu giao tiền cho vợ chồng ông Tr, bà G; bà Thúy cũng xác định không biết việc thỏa thuận mua bán nhà giữa vợ chồng ông Tr, bà G và ông Tú, bà cũng không giao tiền cho bà G. Mặc khác, tại bản tự khai ngày 14/6/2022 ông Tr, bà G trình bày “Vào ngày 15/7/2020, vợ chồng ông, bà và bà Huỳnh Thị Ngọc Qu đến Văn phòng công chứng Hoài Nhơn lập hợp đồng nhận nợ với nội dung vợ chồng ông, bà có nợ của bà Qu 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng). Hợp đồng nhận nợ đã được Văn phòng công chứng Hoài Nhơn công chứng ngày 15/7/2020. Tuy nhiên vợ chồng ông bà không nợ bà Qu số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng) mà chỉ nợ 370.000.000 đồng. Nguyên nhân vợ chồng ông, bà ký hợp đồng nhận nợ là vì bà Qu hứa trả nợ ngân hàng cho vợ chồng ông, bà nhưng sau đó bà Qu không trả cho Ngân hàng”. Do đó có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định việc giao dịch mua bán nhà trong năm 2019 là giữa bà Qu và vợ chồng ông Tr, bà G.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng Hội đồng xét xử đủ cơ sở để khẳng định: Giữa bà Huỳnh Thị Ngọc Qu và vợ chồng ông Đỗ Cao Tr, bà Lê Thị G có thỏa thuận việc chuyển nhượng nhà – đất. Bà

Qu có giao cho vợ chồng ông Tr, bà G số tiền 3.300.000.000 đồng trả nợ cho Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp về làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Qu. Sau khi bà Qu giao tiền cho vợ chồng ông Tr, bà G thì ngày 15/7/2020, vợ chồng ông Đỗ Cao Tr, bà Lê Thị G và bà Huỳnh Thị Ngọc Qu có đến Văn phòng công chứng Hoài Nhơn lập hợp đồng nhận nợ. Trong Hợp đồng nhận nợ xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng vợ chồng ông Tr, bà G đã nhận đủ số tiền 3.300.000.000 đồng, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hợp đồng được chứng nhận vợ chồng ông Tr, bà G phải thanh toán đủ cho bà Qu số tiền 3.300.000.000 đồng. Hợp đồng nhận nợ đã được Văn phòng công chứng Hoài Nhơn công chứng ngày 15/7/2020. Mặc dù ông Tr, bà G không thừa nhận việc nhận tiền của bà Qu nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định hiện nay vợ chồng ông Tr, bà G còn nợ bà Qu số tiền 3.300.000.000 đồng là đúng sự thật. Từ đó áp dụng quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Tr, bà G trả cho bà Qu số tiền 3.300.000.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của bà Qu được chấp nhận nên vợ chồng ông Tr, bà G phải chịu số tiền án phí theo quy định pháp luật là: 98.000.000 đồng.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 288, 468 của Bộ luật Dân sự;*

*Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.*

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc Qu. Buộc vợ chồng ông Đỗ Cao Tr, bà Lê Thị G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc Qu số tiền 3.300.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Cao Tr, bà Lê Thị G phải chịu 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc Qu 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002041 ngày ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Bình Định.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 595/2022/QĐ-BPKCTT ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H về cấm thực hiện hành vi nhất định của người có nghĩa vụ.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Phương Quang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Võ Phương Quang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Thanh    Cao Thanh Tâm**

**Võ Phương Quang**





